

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **182/2021/HSPT**
Ngày: 15/6/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Vĩnh Yên**
Các thẩm phán: - Bà **Đỗ Thị Nhung**.
- Ông **Vũ Hồng Luyện**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Tú** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông **Đặng Xuân Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 119/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2021/QĐXXPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37a ngày 24/5/2021. Do có kháng cáo của các bị cáo T và bị cáo HT đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 101/2021/HSST ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Z2 tỉnh Đồng Nai. Bị cáo kháng cáo:

1/ Họ và tên: T; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1963, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: khu phố X1, phường Y1, thành phố Z1, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: Lớp 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông H (đã chết) và bà L, sinh năm 1944 (đã chết); Có chồng là Đ, sinh năm: 1962; Có 04 (Bốn) con, sinh năm: 1984; 1986; 1988; 1995. Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 25/3/2016 bị cáo T bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm VĐ tài sản" và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức" tháng 12 năm 2019 bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt. Bị cáo T bị bắt tạm giữ ngày 10/9/2020 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 687 ngày 27/5/2020 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Z2 (tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Z2. Ngày 21/5/2021 bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn thực hiện biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số 10/QĐ-TAT-HS ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Hiện bị cáo đang được tại ngoại và đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 13/QĐ-TAT-HS ngày 21/5/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2/ Họ và tên: HT ; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1967, tại Quảng Nam; Nơi cư trú: X2, phường Y2, thành phố Z2, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông L1, sinh năm: 1962 (Đã chết) và bà VT, sinh năm: 1937; Có chồng là TH, sinh năm 1966; Có 02 người con sinh năm: 1989 và 1995.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của bản án số 22/2016/HSST ngày 25/03/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù 03 lần (tổng thời gian được giảm án 29 tháng tù). Hiện đã được trích xuất về Nhà tạm giữ O Công an thành phố Z2. (Các bị cáo có mặt).

3/ Bị hại: KH, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: X3, phường Y3, thành phố Z2, tỉnh Đồng Nai.

4/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: VĐ, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: X4, phường Y4, thành phố Z2, Đồng Nai.

5/ Người làm chứng:

5.1/ Đ1, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: X4, phường Y4, thành phố Z2, Đồng Nai

5.2/ NG, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: X5, phường Y5, thành phố Z1, tỉnh Đồng Nai.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có kháng cáo, kháng nghị; không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T và HT là bạn bè với nhau và cùng trong hoàn cảnh làm ăn thua lỗ, nợ nần không có khả năng chi trả. Để có tiền trả nợ, vào ngày (không nhớ rõ) tháng 11 năm 2013, thông qua giới thiệu của HT, T đã liên hệ gặp anh VĐ (sinh năm 1986, ngụ tại số X4, phường Y4, thành phố Z2, tỉnh Đồng Nai) để nhờ anh VĐ giả làm thủ tục bán cho T 01 chiếc xe ô tô để T khi ra ngoài làm ăn thể hiện là người có tài sản, tưởng thật nên anh VĐ đồng ý và lập 02 bản hợp đồng mua bán xe ô tô với nội dung anh VĐ bán cho T 01 chiếc xe ô tô hiệu Toyota Vios màu bạc, biển số 60S-2321, đề ngày mua bán “ngày 19 tháng 3 năm 2013” rồi anh VĐ giao cho T một bản hợp đồng kèm theo chiếc xe ô tô trên, còn một bản hợp đồng anh VĐ giữ có chữ viết xác nhận của T với nội dung “Hợp đồng này mang tính chất tham khảo không có giá trị pháp lý”. Đến ngày 20 tháng 11 năm 2013, sau khi có được chiếc xe ô tô và hợp đồng mua bán xe trên, T đã báo cho HT biết và nhờ HT tìm nơi cầm đồ và hẹn gặp nhau tại khu vực bến xe Z2, sau đó HT đã liên hệ qua tổng đài 1080 thì biết được tiệm cầm đồ 939 của anh KH (sinh năm 1984, ngụ tại số X3, phường Y3, thành phố Z2, tỉnh Đồng Nai) tại địa chỉ số 98/5, khu phố 5B, phường Tân Biên, thành phố Z2, tỉnh Đồng Nai nên HT đã gọi điện trao đổi trước với anh KH về việc cầm đồ chiếc xe ô tô trên, sau đó HT dẫn T đến cầm. Tại đây, T và HT đã nói dối anh KH là chiếc xe ô tô Vios biển số 60S-2321 trên là của T, đồng thời dùng hợp đồng giả mua bán xe trên, kèm theo chiếc xe và giấy đăng ký xe phôtô để cầm cho anh KH lấy số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); khi làm thủ tục cầm, do T không mang theo giấy tờ tùy thân nên HT đã lấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của HT giao cho anh KH để anh KH tin tưởng và viết giấy cầm theo dạng giấy vay nợ thế chấp lại tài sản là chiếc xe trên, thời hạn trả 30 ngày. Sau khi lấy được số tiền trên, T chỉ đưa cho HT số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng)

để HT trả số tiền lãi suất của khoản vay chung T và HT, còn lại số tiền 286.000.000đ (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng) T giữ sử dụng và trả nợ hết. Sau đó, do không thấy T và HT đến trả số tiền trên và chuộc xe nên ngày 14 tháng 3 năm 2014, anh KH đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Z2, lập hồ sơ, khởi tố, điều tra xử lý.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 chiếc xe ô tô hiệu Toyota VIOS biển số 60S-2321, HT giữ từ anh KH, là xe do ông NVT (Sinh năm 1967, X6, phường Y6, thành phố Z2, tỉnh Đồng Nai) đứng tên đăng ký chủ sở hữu, thế chấp để vay tiền của Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Đồng Nai (Ngân hàng), Ngân hàng chỉ giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe và giao xe cho ông Thắng quản lý và sử dụng. Do ông Thắng không thực hiện đúng hợp đồng vay tài sản, Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án thành phố Z2. Ngày 20/6/2013 TAND Tp.Z đã ra Quyết định số 148/2013/QĐST-DS ngày 20/6/2013 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, theo đó ông Thắng phải trả cho Ngân hàng số tiền 378.416.333đ (Ba trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm mười sáu nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), đồng thời xác định tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô hiệu Toyota biển số 60S-2321. Hiện tại chiếc xe ô tô này anh KH đã giao lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Z2 và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Z2 đã giao chiếc xe cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z2 để làm thủ tục cưỡng chế kê biên thanh toán khoản nợ trên theo quy định;

- Số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), chiếm VĐ được của anh KH, bị cáo T đã đưa cho HT 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) để trả lãi suất cho khoản nợ khác, còn lại 286.000.000đ (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng) T giữ sử dụng và trả nợ hết nên Cơ quan điều tra không HT hồi lại được.

- 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô hiệu Toyota VIOS biển số 60S-2321 giữa T và VĐ, do anh KH giao nộp;

- 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô hiệu Toyota VIOS biển số 60S-2321 giữa T và VĐ, có dòng chữ ghi nội dung “Hợp đồng này mang tính chất tham khảo không có giá trị pháp lý”, do anh VĐ giao nộp;

Về dân sự: Bị hại là anh KH đã nhận số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) gia đình các bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì thêm. VĐ cũng không có yêu cầu gì thêm.

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 101/2021/HSST ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Z2 đã tuyên xử:

Căn cứ điểm a khoản 3 điều 139, điểm b, p khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Áp dụng thêm khoản 1 điều 56 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo thu.

Tuyên bố bị cáo T, HT phạm tội “Lừa đảo chiếm VĐ tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo T 07(Bảy) năm 06(Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 10/09/2020.

Xử phạt: Bị cáo HT 07(Bảy) năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 22/2016/HSST ngày 25/03/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo HT phải chấp hành hình phạt chung là 16(mười sáu) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 27/08/2014 trừ đi thời gian bị cáo được giảm chấp hành hình phạt tù là 29(Hai mươi chín) tháng theo các quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù số 800/QĐ-TA ngày 25 tháng 01 năm 2018; quyết định

giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù số 426/2019/QĐTA ngày 25/01/2019; quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù số 259/2020/QĐ-TA ngày 16/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 05/3/2021 bị cáo T và bị cáo HT kháng cáo bản án xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo HT xin giảm nhẹ hình phạt và yêu cầu cơ quan điều tra, điều tra lại sự việc.

* Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Xét thấy cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử bị cáo T và bị cáo HT về tội “lừa đảo chiếm VĐ tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng pháp luật. Đối với bị cáo T, bị cáo HT kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo HT và bị cáo T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 101/2021/HSST ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Z2, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của T và HT làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm

[2] Xét thấy tại cấp sơ thẩm cơ quan Cảnh sát điều tra chưa điều tra làm rõ các tình tiết sau:

- Về đơn tố giác tội phạm của ông KH ghi ngày 14/3/2014, cơ quan Cảnh sát điều tra nhận ngày 18/3/2014 kèm theo chứng cứ Đơn tố giác, Giấy vay nợ (Bút lục 30-34) kéo dài đến ngày 05/8/2019 thì cơ quan điều tra công an thành phố Z2 có văn bản số 526 phân công điều tra viên giải quyết nguồn tin về tội phạm; Ngày 30/9/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Z2 có văn bản số 3302/CQĐT-HS v/v gia hạn giải quyết tin báo; Ngày 05/12/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Z2 có Quyết định số 137/QĐ Quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin tội phạm; Ngày 26/5/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Z2 có Quyết định số 19 Quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin tội phạm.

Như vậy, từ ngày 18/3/2014 cho đến ngày 05/8/2019 thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Z2 xử lý đơn tố giác của ông KH như thế nào? Chưa thể hiện trong hồ sơ vụ án.

- Ngày 15/01/2015 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Z2 có công văn đề xuất số: 194/CQĐT-HS v/v đề xuất chuyển hồ sơ xác minh đơn tố giác của ông KH đến Văn phòng cơ quan CSĐT công an tỉnh Đồng Nai tiếp tục điều tra theo quyết định khởi tố vụ án số 528 ngày 05/6/2014 và quyết định khởi tố bị can số 44,45 ngày 06/8/2014 của Cơ quan CSĐT công an tỉnh Đồng Nai đối với bị cáo T và bà thu. Về sự việc trên cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm rõ tại sao không nhập đơn tố giác của ông KH vào tiếp tục điều tra để xử lý triệt để hành vi của nhóm đối tượng theo quy định của pháp luật, trong hồ sơ vụ án cũng không có văn

bản nào của Cơ quan CSĐT của Công an tỉnh Đồng Nai xử lý sự việc trên. (Bút lục 44)

- Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác định rõ giữa ông KH với bà T giao dịch với nhau bằng quan hệ cầm xe hay vay tài sản. Vì trong các kết luận điều tra, cáo trạng và bản án sơ thẩm điều ghi quan hệ là cầm xe nhưng thực tế giữa KH và T ký kết bằng hợp đồng vay tài sản (Giấy vay nợ). (Bút lục 34).

- Theo lời khai của bà T thì tiền lãi của hợp đồng vay nợ với KH 10 ngày trả 10.000.000 đồng bà T đã trả 30.000.000 đồng sau đó ngưng trả và cam kết trong thời hạn 2 tháng sẽ trả hết số tiền (Bút lục 46) bà T cũng không bỏ trốn sự việc này cơ quan điều tra chưa làm rõ.

- Theo lời khai của bà T sau khi vay được 300.000.000 đồng của KH thì có đưa cho ông VĐ 200.000.000 đồng trước sự chứng kiến của cha và vợ ông VĐ nhưng cơ quan Cảnh sát điều tra chưa lấy lời khai, đối chất với cha và vợ của ông VĐ là thiếu sót.

- Vào ngày 12/12/2019 giữa bà KN con bà T với ông KH có thỏa thuận việc trả nợ thay cho bà T được sự đồng ý của ông KH (Bút lục 165) đây là thỏa thuận làm thay đổi bản chất của hợp đồng mà các đương sự đã ký trước khi có Quyết định khởi tố vụ án số 396 ngày 27/5/2020 nhưng cơ quan Cảnh sát điều tra cho làm rõ người tố giác tội phạm còn tố giác không? **HT thập chứng cứ xác định tư cách tham gia tố tụng của những người liên quan đến mua bán xe** ô tô hiệu Toyota VIOS biển số 60S-2321.

Từ những phân tích trên, xét thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án hình sự sơ thẩm số: 101/2021/HSST ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Z2 để điều tra lại.

[3] Về kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Do hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của các bị cáo.

[4] Về án phí: Do hủy bản án nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358, Điều 360 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức HT, miễn, giảm, HT, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa.

1/Tuyên xử: Hủy bản án sơ thẩm số : 101/2021/HS-ST ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Z2, tỉnh Đồng Nai. Chuyển hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z2, tỉnh Đồng Nai để điều tra lại.

2/Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận::

- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh ĐN
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vĩnh Yên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Nhung

Vũ Hồng Luyện

Trần Vĩnh Yên

Nơi nhận;

- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh ĐN
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vĩnh Yên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

